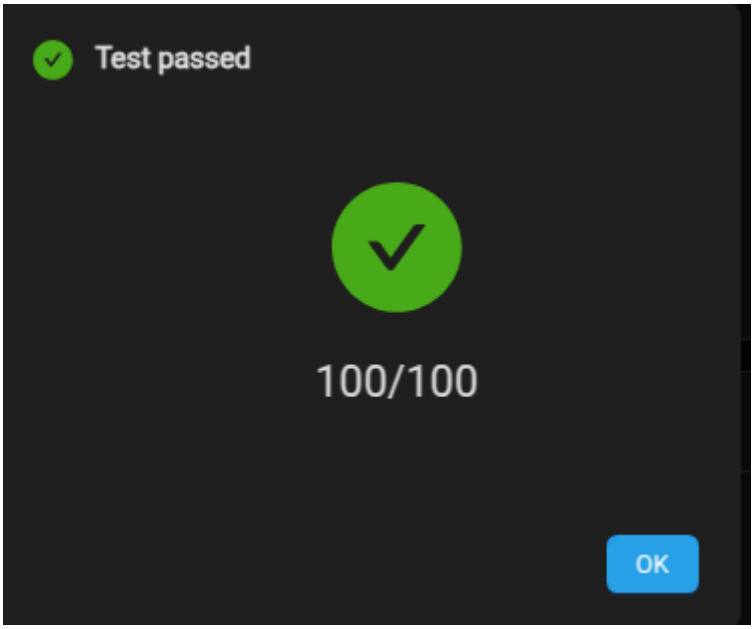

1. **Какой антивирус лучше выбрать для базовой защиты ОС?**
   Nên chọn phần mềm diệt virus nào để bảo vệ cơ bản cho hệ điều hành?

○ Встроенный Windows Defender без дополнительных настроек
○ Windows Defender tích hợp sẵn mà không cần thiết lập thêm

○ Установить Adobe Acrobat Reader для блокировки угроз
○ Cài Adobe Acrobat Reader để chặn mối đe dọa

✅ **Сертифицированный антивирус с настройкой ежедневного сканирования**
Phần mềm diệt virus được chứng nhận và được cấu hình để quét hàng ngày

○ Отключить антивирус для экономии ресурсов
○ Tắt phần mềm diệt virus để tiết kiệm tài nguyên

---

2. Какое средство шифрования предпочтительнее для защиты данных на диске
○ Хранить данные в открытом текстовом файле на рабочем столе
○ Lưu dữ liệu trong tệp văn bản mở trên màn hình nền

○ Не использовать шифрование, чтобы не замедлять систему
○ Không sử dụng mã hóa để tránh làm chậm hệ thống

✅ Сертифицированное средство для защиты данных с использованием TPM и PIN-кода
Công cụ được chứng nhận để bảo vệ dữ liệu sử dụng TPM và mã PIN

○ Архивировать данные в 7-Zip с паролем
○ Nén dữ liệu bằng 7-Zip có mật khẩu

---

3. Как настроить систему контроля доступа
○ Разрешить полный доступ всем пользователям к системным папкам
○ Cho phép tất cả người dùng truy cập đầy đủ vào thư mục hệ thống

○ Отключить UAC (Контроль учётных записей)
○ Tắt UAC (Kiểm soát tài khoản người dùng)

✅ **Настроить RBAC (Role-Based Access Control) через групповые политики**
✅ **Cấu hình RBAC (Kiểm soát truy cập dựa trên vai trò) thông qua chính sách nhóm**

○ Установить одинаковые пароли для всех пользователей
○ Đặt cùng một mật khẩu cho tất cả người dùng

---

4. Какой метод шифрования из представленных обеспечит максимальную безопасность
✅ **AES-256 с длиной ключа 256 бит**
✅ **AES-256 với độ dài khóa 256 bit**

○ Сохранить данные в облаке без шифрования
○ Lưu dữ liệu trên đám mây mà không mã hóa

○ XOR-шифрование с ключом "password"
○ Mã hóa XOR với khóa "password"

○ Переименовать файл, добавив к названию "_secret"
○ Đổi tên tệp, thêm hậu tố "_secret" vào tên tệp

---

5. Какую политику паролей стоит применить
○ Запретить использование паролей, разрешить вход без аутентификации
○ Cấm dùng mật khẩu, cho phép đăng nhập không cần xác thực

✅ **Минимум 12 символов, включая цифры и спецсимволы + смена каждые 90 дней**
✅ **Tối thiểu 12 ký tự, bao gồm số và ký tự đặc biệt + thay đổi mỗi 90 ngày**

○ Хранить пароли в файле passwords.txt на рабочем столе
○ Lưu mật khẩu trong tệp passwords.txt trên màn hình nền

○ Пароль "qwerty" для всех учетных записей
○ Mật khẩu "qwerty" cho tất cả tài khoản người dùng

---

6. Какие настройки антивируса критичны для защиты от НСД
✅ **Регулярное обновление баз сигнатур + сканирование в реальном времени**
✅ **Cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu chữ ký + quét theo thời gian thực**

○ Включить только сканирование по расписанию раз в месяц
○ Chỉ bật quét theo lịch trình một lần mỗi tháng

○ Отключить антивирус при установке ПО из неизвестных источников
○ Tắt phần mềm diệt virus khi cài phần mềm từ nguồn không rõ

○ Добавить папку с критичными данными в исключения антивируса
○ Thêm thư mục chứa dữ liệu quan trọng vào danh sách loại trừ của antivirus

---

7. Что важно при настройке резервного копирования зашифрованных данных
○ Копировать данные в незащифрованную папку на том же диске
○ Sao chép dữ liệu vào thư mục chưa mã hóa trên cùng một ổ đĩa

○ Удалить исходные данные после копирования
○ Xóa dữ liệu gốc sau khi sao chép

✅ **Шифровать бэкапы + хранить их на отдельном носителе**
✅ **Mã hóa các bản sao lưu + lưu trữ chúng trên thiết bị riêng biệt**

○ Не делать бэкапы, чтобы сэкономить место
○ Không tạo bản sao lưu để tiết kiệm dung lượng

---

8. Какой параметр межсетевого экрана наиболее важен
○ Разрешить все входящие подключения для удобства
○ Cho phép tất cả kết nối đến để tiện lợi

✅ **Блокировать все входящие подключения, кроме разрешенных вручную**
✅ **Chặn tất cả kết nối đến, trừ những kết nối được cho phép thủ công**

○ Настроить правила только для исходящего трафика
○ Chỉ cấu hình quy tắc cho lưu lượng đi ra

○ Отключить брандмауэр для ускорения сети
○ Tắt tường lửa để tăng tốc độ mạng

---

9. Как проверить целостность системы после настройки защиты
✅ **Запустить сканирование на наличие руткитов + анализ журналов событий**
✅ **Khởi chạy quét rootkit + phân tích nhật ký sự kiện**

○ Периодически перезагружать ВМ без проверок
○ Khởi động lại máy ảo định kỳ mà không kiểm tra

○ Удалить все логи, чтобы не занимать место на диске
○ Xóa toàn bộ log để tiết kiệm dung lượng ổ đĩa

○ Отключить обновления системы для стабильности
○ Tắt cập nhật hệ thống để tăng độ ổn định

---

10. Что исключить из базовых мер защиты
○ Установка патчей безопасности
○ Cài đặt bản vá bảo mật

○ Использование виртуальной клавиатуры для ввода паролей
○ Sử dụng bàn phím ảo để nhập mật khẩu

✅ **Добавление всех пользователей в группу "Администраторы"**
✅ **Thêm tất cả người dùng vào nhóm “Quản trị viên”**

○ Регулярный аудит прав доступа к файлам
○ Kiểm tra định kỳ quyền truy cập vào tệp